

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU**

Số: 2843 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khoái Châu, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu
(đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHOÁI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định về phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 Ban hành định mức xây;

Căn cứ Văn bản số 3385/SXD-KT&VLXD ngày 02/7/2026 của Sở Xây dựng Hưng Yên về việc cập nhật, chuyển đổi nhân công theo nhóm theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND xã Khoái Châu phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu (đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối);

Quyết định số 590/QĐ-BQLDA ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Khoái Châu về phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu (đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối);

Căn cứ Văn bản số 70/KQTĐ-KT ngày 14/10/2026 của Phòng Kinh tế xã Khoái Châu về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu (đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối);

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Khoái Châu tại Tờ trình số 498/TTr-BQLDA ngày 14/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu (đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối) với những nội dung chủ yếu như sau.

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Khoái Châu (đoạn từ cầu máng giáp khu giãn dân đến thôn Cẩm Bối).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình chính của dự án: Công trình giao thông, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án.

3. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Khoái Châu.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Khoái Châu.

6. Nhà thầu tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất: Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng Minh Anh; Mã số doanh nghiệp: 0901081276.

- Nhà thầu khảo sát địa hình, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HTT; Mã số doanh nghiệp: 0901185236.

- Nhà thầu thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thiết kế nội thất Vạn Xuân; Mã số doanh nghiệp: 0901104283.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Đồng thời từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; Cấp IV.
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa.
- Tổng chiều dài tuyến nghiên cứu L=909,14m.

- Xây dựng các hạng mục: Xây dựng nền mặt đường, xây dựng kè đường, xây dựng hệ thống thoát nước xây dựng điện chiếu sáng, xây dựng cầu qua kênh.

8.2. Giải pháp thiết kế

8.2.1. Nền mặt đường

a) Bình đồ tuyến:

- Tìm tuyến cơ bản theo tìm tuyến hiện trạng. Hướng tuyến thẳng bám sát địa hình hiện trạng điều chỉnh cục bộ một số vị trí, bố trí các đỉnh, đường cong chuyển hướng tận dụng tối đa nền, mặt đường hiện trạng, hạn chế GPMB.

b) Trắc dọc tuyến:

- Trên cơ sở cao độ điểm đầu và điểm cuối, các điểm khống chế giao cắt chính, thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu, êm thuận toàn tuyến, phù hợp với địa hình xung quanh.

- Vuốt nổi êm thuận vào mặt đường hiện trạng đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của tuyến.

c) Trắc ngang tuyến:

- Đoạn từ Km0+0,0 đến Km0+30,25: Phạm vi thiết kế cầu máng nhịp 9m, chiều rộng toàn cầu B=12m.

- Đoạn từ Km0+30,25 đến Km0+724,72 (bên trái tuyến là nương đất bên phải tuyến là đường bê tông nhựa): Thiết kế cạp mở rộng đường bên trái tuyến phía giáp nương, chiều rộng phần cạp rộng B=2,5÷2,8m, dốc ngang mặt đường imặt= 2% (chiều rộng mặt đường sau khi mở rộng B=7,5÷7,9m), bên trái tuyến phía giáp nương thiết kế xây dựng kè tường lưng kết hợp ốp mái taluy để ổn định nền đường.

- Đoạn từ Km0+724,72 đến Km0+745,31: Phạm vi vuốt nổi nút giao ngã tư giữa tuyến.

- Đoạn từ Km0+745,31 đến Km0+903,72 (hai bên là nhà dân): Thiết kế hai phần đường chiều rộng theo hiện trạng đến sát tường rào hai bên nhà dân, chiều rộng mỗi bên B=5,5÷6,5m, dốc ngang mặt đường imặt= 2%, giữa hai phần đường thiết kế kênh hở B2500 (chiều rộng toàn kênh mặt trên cùng B=3,2m); Hai bên tuyến thiết kế rãnh dọc B400 ngầm dưới mặt đường, thu gom nước thải sinh hoạt của các hộ dân quanh khu vực tuyến.

d) Kết cấu nền mặt đường:

* Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường (có chiều dày các lớp từ trên xuống): Lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm; Tưới thấm bám nhựa CSS1 lượng nhựa 1kg/m²; Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm đầm chặt K=0,98; Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm đầm chặt K=0,98; Vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m; Lớp cát đen dày 50cm đầm chặt K=0,98. Đắp bù cát đen đầm chặt K=0,95 (nếu có).

- Kết cấu vuốt nổi (có chiều dày các lớp từ trên xuống): Lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm; Tưới thấm bảm nhựa CSS1 lượng nhựa 1kg/m²; Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 dày trung bình 15cm đầm chặt K=0,98.

* Nền đường:

- Nạo vét bùn đáy mương đến cao độ thiết kế theo biên bản thỏa thuận với thủy lợi.

- Các đoạn đường đi qua nền đất cũ đào bóc hữu cơ bề mặt dày trung bình 20cm. Phạm vi nền đường, đắp hoàn trả bằng cát đầm chặt K=0,95. Phạm vi lề đường mái taluy đắp hoàn trả bằng tán tận dụng K=0,95.

- Đánh cấp nền đường B=0,5m, dốc đánh cấp 1%.

8.2.2. Thoát nước:

* Rãnh dọc bê tông cốt thép B400:

- Thiết kế đồng bộ rãnh thoát nước dọc hai bên tuyến tại các vị trí giáp tường rào nhà dân bằng rãnh BTCT B400.

- Kết cấu rãnh B400: Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Rãnh BTCT B400 đúc sẵn mác 250 đá 1x2 chiều dài mỗi đoạn L=1,0m; Tấm đan bằng BTCT đúc sẵn mác 250 đá 1x2.

* Hố ga rãnh B400:

- Thiết kế hệ thống hố ga thu nước trực tiếp mặt đường cho rãnh dọc BTCT B400, khoảng cách từ 20÷35m/ ga.

- Kết cấu ga rãnh B400: Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; bê tông móng mác 200 đá 2x4; thành ga xây gạch không nung vữa xi măng M75; trát trong thành ga VXM mác 75 dày 1,5cm; tấm đan BTCT đúc sẵn mác 250 đá 1x2; trên đây song chắn rác bằng gang kích thước 960x530 tải trọng 250KN.

* Kênh hở B2500:

- Đoạn từ Km0+745,31 đến Km0+903,72 thiết kế kênh hở B2500 ở giữa đường theo thỏa thuận với cơ quan quản lý thủy lợi.

- Kết cấu kênh hở B2500: Gia cố móng bằng cọc tre D6-D8 chiều dài L=2,5m mật độ 25 cọc/m²; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông lót móng mác 150 đá 2x4; Thân kênh bằng BTCT mác 250 đá 1x2 đổ tại chỗ.

- Bố trí 5m/ thanh chống ngang kênh để tăng cứng cho thành kênh, thanh chống kích thước 15x18x250cm. Làm bằng bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2 thi công lắp ghép.

- Bố trí lan can thép mã kẽm để đảm bảo an toàn trên hai bên thành kênh. Lan can bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, liên kết với giằng đỉnh kè bằng bản mã thép kết hợp với bulong neo.

* Cống dọc, và ngang đường: Thiết kế hoàn trả các cống dọc và ngang đường, cao độ và khẩu độ cống theo thỏa thuận với cơ quan quản lý thủy lợi.

BẢNG THÔNG KÊ CỐNG

STT	LÝ trình	Loại cống	Kích thước cống	Van điều tiết
1	Km0+023.59	Cống dọc	BxH=2x1,5m	Không
2	Km0+531.91	Cống dọc	BxH=2,5x2,5m	Không
3	Km0+745.91	Cống dọc	BxH=2,5x2,5m	Không
4	Km0+909.14	Cống dọc	BxH=2,5x2,5m	Phía sông mười

- Kết cấu thân cống: Gia cố móng bằng cọc tre D6-D8 chiều dài L=2,5m mật độ 25 cọc/m²; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông móng mác 200 đá 2x4; ống dài mỗi đoạn L=1,0m bằng BTCT mác 300 đá 1x2 đúc sẵn tải trọng HL.93.

- Kết cấu tường đầu tường cánh: Gia cố móng bằng cọc tre D6-D8 chiều dài L=2,5m mật độ 25 cọc/m²; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông móng mác 200 đá 2x4; Bê tông tường mác 250 đá 1x2.

- Kết cấu giàn van cánh phai cống: Khung giàn van bằng bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2 đổ tại chỗ, thang và lan can bằng thép hình, cánh cống gia công bằng thép hình.

* Hoàn trả kên B500 đầu tuyến:

- Đầu tuyến phạm vi thiết kế cầu có rãnh hiện trạng B500 chảy ra, thiết kế xây dựng hoàn trả 7,0m kên B500.

- Kết cấu kên B500: Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông móng mác 200 đá 2x4; Thân xây gạch không nung VXM mác 75; Trát trong thành VXM mác 75 dày 1,5cm; Xà mũ bằng bê tông xi măng mác 250 đá 1x2; Tấm đan bằng BTCT mác 250 đúc sẵn lắp ghép.

8.2.3. Kè tường lưng kết hợp ợp mái taluy:

- Đoạn từ Km0+23,59 đến Km0+724,72 bên trái tuyến là mương đất thiết kế xây kè tường lưng kết hợp ợp mái taluy.

- Kết cấu kè:

+ Phần tường lưng: Gia cố móng bằng cọc tre D6-D8 chiều dài L=2,5m mật độ 25 cọc/m²; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông móng mác 200 đá 2x4; bê tông tường mác 200 đá 2x4. Bố trí thép D10 liên kết móng và tường.

+ Phần ợp mái: Vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m; Mái kè bằng bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2 đổ tại chỗ.

- Xây dựng gờ chắn bánh kè trên đỉnh mái kè. Gờ chắn bánh kích thước 22x30x100cm bố trí cách nhau 50cm/ gờ. Gờ chắn xây bằng gạch không nung VXM mác 75, trát gờ bằng VXM mác 75 dày 1,5cm, sơn phản quang 04 mặt giáp đường.

8.2.4. Chiếu sáng:

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng bằng đèn năng lượng mặt trời dọc tuyến.

- Cột đèn sử dụng cột thép tròn côn cần rời, chiều cao cả cần 8,0m (cần đèn cao 2,0m vươn 1,5m); khoảng cách trung bình giữa các cột là 25m/cột; lắp đèn năng lượng mặt trời LED-100W và LED-120W (theo từng vị trí); móng cột kích thước 0,8x0,8x1,0m đổ bê tông mác 200 có chôn sẵn khung móng M24x300x300x675 chờ bắt cột đèn.

- Dây từ tấm pin lên đèn dùng dây Cu/PVC/PVC-2x2,5mm.

- Mỗi vị trí cột đèn chiếu sáng được lắp đặt 01 bộ tiếp đất an toàn. Cọc tiếp địa bằng thép góc L63x63x6 dài 2,5m mạ kẽm nhúng nóng có râu chờ bằng thép tròn Φ -10. Cọc và dây tiếp địa được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Yêu cầu điện trở tiếp đất đường dây phải đảm bảo $R_{td} \leq 10\Omega$ trong mọi điều kiện thời tiết.

8.2.5. An toàn giao thông: Thiết kế vạch sơn, biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Thiết kế gờ giảm tốc theo TCCS 34:2020/TCĐBVN.

8.2.6. Cầu máng nhịp 9,0:

a) Quy mô cầu:

- Thiết kế cầu BTCT dầm bản DUL khẩu độ dầm $L=9,0m$.
- Chiều rộng cầu $B=12,0m$.
- Chiều rộng phần xe chạy $B_{xc}=11,0m$.
- Chiều rộng lan can $B_{lc}=2x0,5m$
- Tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3Kpa.
- Tần suất lũ thiết kế $P=1\%$.
- Đường dẫn đầu cầu: Mặt đường nhựa C16 dày 7cm, móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, móng cấp phối đá dăm loại II dày 25cm, cát đắp $K=0,98$ dày 50cm.

b) Cầu chính kết cấu cầu chính như sau:

- Kết cấu phần trên: Dầm bản BTCT dự ứng lực 40Mpa đá 1x2, chiều cao dầm $H=0,40m$, chiều dài $L_{nhịp}=9,0m$ gồm 12 phiên dầm; bản dẫn, gờ lan can BTCT 30Mpa đá 1x2; lan can cầu kết cấu thép ống, thép hình mạ kẽm; mặt cầu thảm 01 lớp BTNC 16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TC 0,5kg/m², lớp phòng nước, BTCT bản mặt cầu kết hợp tạo dốc 30Mpa đá 1x2 dày 15cm, độ dốc ngang cầu $i=2\%$.

- Kết cấu phần dưới: Mô cầu BTCT 30Mpa đá 1x2 thiết kế kiểu chữ U; gia cố móng mô bằng cọc BTCT 30Mpa đá 1x2, tiết diện $a \times h=300 \times 300mm$ chiều dài cọc dự kiến 35,0m, sức chịu tải cọc đơn $> 31,92$ tấn, mỗi mô thiết kế 30 đầu cọc; trong lòng mô và đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường đắp cát vàng đầm chặt $K=0,98$ thoát nước.

- Chân khay, tứ nón, gia cố chống xói lở bờ sông: Chân xây bằng bê tông xi măng mác 200 đá 2x4, đá dăm đệm lót dày 10cm, gia cố cọc tre đường kính $D_6 \div 8cm$ dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; mái bằng bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, dưới dải vải địa kỹ thuật không dệt loại 12kN/m.

(Các nội dung khác xem hồ sơ thiết kế cơ sở)

9. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước, gồm thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

9.2. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Khảo sát, thiết kế:

- QCVN 11:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao;

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN: 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 9398: 2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu;

- 96 TCN 43:1990 "Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/15000 (phần ngoài trời)";

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/15000 của Tổng cục địa chính ban hành ngày 19/11/1994;

- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 13592:2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế (tham khảo);

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 13608:2023: Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

Các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

b) Thi công và nghiệm thu:

- TCVN 4252:2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công;

- TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13567 - 1: 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng

- Yêu cầu thi công và nghiệm thu (Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa

đường thông thường);

- TCVN:14270:2024 Nhũ tương nhựa đường A xít thẩm bám (EAP) - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;

- TCCS 34: 2020/TCĐBVN: Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 8818:2011: Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 2682:2020: Xi măng Pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 6260:2020: Xi măng Pooc lăng hồ hợp - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 7570:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (yêu cầu kỹ thuật);

- TCVN 7572:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (phương pháp thử);

- TCVN 4506:2012: Nước trộn bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 4453:1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối-quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9115:2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4085:2025: Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

Các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng, giá trị các khoản mục chi phí: **45.000.000.000** đồng (*Bốn mươi năm tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, HT và tái định cư : 500.000.000 đồng.

- Chi phí xây dựng : 36.401.375.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án : 809.575.000 đồng.

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 2.073.178.000 đồng.

- Chi phí khác : 386.270.000 đồng.

- Chi phí dự phòng : 4.829.602.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định hiện hành.

14. Phương án phân chia gói thầu: Theo quy định của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh về quản lý dự án, quản lý chất lượng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Kiểm bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHOÁI
CHÂU
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG
YÊN
Thời gian ký: 19/10/2026 09:26:24

Nguyễn Tường Tuấn